

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	Thủ tục hành chính nội bộ cấp trung ương			
1	Ban hành tiêu chí về bảo vệ môi trường trong xây dựng và phát triển nông thôn quy định tại điểm e khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Khoản 1, Điều 35, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.	Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Môi trường)
2	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch quy định tại điểm b khoản 1 Điều 109 Luật Bảo vệ môi trường.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Khoản 2, Điều 35, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP	Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Môi trường)
3	Ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh quy định tại khoản 2 Điều 154 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP .	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Điều 39, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP	Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Môi trường)
II	Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh			
1	Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Điều 36, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP .			
2	Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Khoản 1, Điều 37, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP 	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
III	Thủ tục hành chính nội bộ cấp xã			
1	Công bố sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 7, Điều 28 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg. 	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 8, Điều 28 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg. 	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
3	Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		05/2025/NĐ-CP. - Khoản 8, Điều 28 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg.		
4	Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 9, Điều 28 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg.	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
5	Tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 1 Điều 29 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
6	Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố chất thải cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế ứng phó sự cố chất thải ban hành kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Khoản 5 Điều 29 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg.	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã

Phần II.
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH
VỰC MÔI TRƯỜNG TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TRUNG ƯƠNG

I. Ban hành tiêu chí về bảo vệ môi trường trong xây dựng và phát triển nông thôn

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo tiêu chí về bảo vệ môi trường trong xây dựng và phát triển nông thôn.

- Bước 2: Lấy ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự thảo tiêu chí. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến đối với dự thảo tiêu chí tới các bộ, cơ quan có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện dự thảo tiêu chí.

- Bước 4: Ban hành tiêu chí.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chí về bảo vệ môi trường trong xây dựng và phát triển nông thôn.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Phù hợp với giai đoạn thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035 (được phê duyệt).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

II. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch

Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao Cơ quan, đơn vị chủ trì thuộc Bộ lập quy hoạch tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia.

- Bước 2: Lập quy hoạch

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập Quy hoạch phối hợp với đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

- Bước 3: Xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập Quy hoạch có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia.

Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì lập Quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, hoàn thiện dự thảo quy hoạch trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp Bộ.

- Bước 4: Xin ý kiến của các bộ, ngành, địa phương liên quan về Quy hoạch

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia tới các bộ, cơ quan có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập Quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình, hoàn thiện quy hoạch theo ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương.

- Bước 5: Tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp Bộ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia. Sau khi họp Hội đồng

thẩm định cấp Bộ, cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm hoàn thiện Quy hoạch theo ý kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

- Bước 6: Trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

III. Ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (viết tắt là danh mục phân loại xanh).

- Bước 2: Lấy ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự thảo tiêu chí: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến đối với dự thảo tiêu chí xác nhận danh mục phân loại xanh tới các bộ, cơ quan có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện dự thảo tiêu chí danh mục phân loại xanh.

- Bước 4: Ban hành tiêu chí danh mục phân loại xanh.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chí xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Điều 39 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

I. Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (sau đây viết tắt là kế hoạch).

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập kế hoạch tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập xây dựng kế hoạch.

- Bước 2: Lập kế hoạch

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập kế hoạch phối hợp với đơn vị tư vấn lập kế hoạch.

- Bước 3: Xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập kế hoạch có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự thảo kế hoạch.

Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì lập kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoàn thiện dự thảo kế hoạch trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

- Bước 4: Tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch. Sau khi họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị chủ trì lập kế hoạch có trách nhiệm hoàn thiện kế hoạch theo ý kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

- Bước 5: Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch.

- Bước 6: Công bố kế hoạch.

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố kế hoạch sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chủ trì xây dựng kế hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chủ trì xây dựng kế hoạch.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Điều 36 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

II. Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (sau đây viết tắt là kế hoạch).

- Bước 2: Xây dựng thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ

Cơ quan, đơn vị chủ trì lập kế hoạch xây dựng nội dung thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ

- Bước 4: Cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện các nội dung/hạng mục công việc trong nhiệm vụ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

- Bước 5: Tổ lựa chọn đơn vị thực hiện các nội dung nhiệm vụ

- Bước 6: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt

- Bước 7: Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, trong đó sản phẩm chính là Dự thảo kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chủ trì xây dựng kế hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chủ trì xây dựng kế hoạch.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nhiệm vụ được nghiệm thu, phê duyệt hoàn thành.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

- Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

I. Công bố sự cố môi trường

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xác minh

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố trực tiếp xác minh sự cố xảy ra.

Bước 2: Công bố sự cố môi trường cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã công bố sự cố môi trường cấp xã sau khi xác minh sự cố xảy ra.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố sự cố môi trường cấp xã.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khi xảy ra sự cố chất thải cấp xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

II. Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

Bước 2: Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường

Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch phục hồi môi trường cấp xã sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết:

30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch phục hồi môi trường sau sự cố môi trường cấp xã.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

III. Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

Bước 2: Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường

Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường cấp xã sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết:

30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải cấp xã.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

IV. Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

Bước 2: Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

V. Tiếp nhận đăng ký môi trường

1. Trình tự, cách thức thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đăng ký môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua một trong các hình thức sau:

- + Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã;
- + Qua đường bưu điện, dịch vụ bưu chính;
- + Bản điện tử.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của chủ dự án, cơ sở.

Bước 3: Cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), hồ sơ đăng ký môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cấp quốc gia.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

01 bản chính văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Mẫu số 47 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

3. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp sau:

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý quy định tại điểm a và điểm c khoản này với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000 m³/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức;

- Có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên và có phát sinh nước thải hoặc khí thải phải xử lý xả ra môi trường trong quá trình vận hành.

5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Hồ sơ đăng ký môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cấp quốc gia.

7. Phí, lệ phí: Không quy định.

8. Tên các mẫu đơn, tờ khai:

Mẫu văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (*mẫu quy định tại Mẫu số 47 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT*).

9. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Dự án đầu tư, cơ sở thuộc các nhóm I, II, III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường nhưng không thuộc các trường hợp sau:

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung

tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý quy định tại điểm a và điểm c khoản này với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000 m³/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức;

- Có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên và có phát sinh nước thải hoặc khí thải phải xử lý xả ra môi trường trong quá trình vận hành.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CÁC MẪU VĂN BẢN

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở
(thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa
đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

V/v đăng ký môi trường cho dự
án đầu tư, cơ sở

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (3)

(1) là chủ đầu tư của (2), thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của (1).

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:..... (hoặc các giấy tờ tương đương (nếu có)).

- Người đại diện theo pháp luật/ Người đứng đầu của (1):.....

- Điện thoại:; Fax:; e-mail:.....

(1) đăng ký môi trường cho (2) với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: (2).

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư:.....

- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở:.....

- Đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở theo Quyết định số.....ngày... tháng... năm (nếu có) (kèm bản sao Quyết định).

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu

tu, cơ sở

(Liệt kê các loại nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở).

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở

- Loại nước thải (sinh hoạt, công nghiệp), khối lượng nước thải từng loại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng:.....

- Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng:.....

- Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:.....

- Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:.....

- Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:.....

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở

- Phương án thu gom, quản lý, xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng:.....

- Phương án thu gom, quản lý, xử lý khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng:

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:.....

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:.....

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:.....

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

(Nêu các cam kết về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng dự án đầu tư và trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở)

Chúng tôi gửi kèm văn bản này 01 (một) Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (trường hợp dự án đầu tư, cơ sở đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) tiếp nhận đăng ký môi trường của (2)./.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - ...;
 - Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CỦA (1)**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở;
- (2) Dự án đầu tư, cơ sở;
- (3) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi triển khai (2).

VI. Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố chất thải cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án đầu tư, cơ sở để xảy ra sự cố chất thải có trách nhiệm báo cáo ngay, kịp thời đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban phòng thủ dân sự cấp xã nơi xảy ra sự cố.

Bước 2: Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án đầu tư, cơ sở để xảy ra sự cố chất thải.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không có quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Khi xảy ra sự cố chất thải tại dự án đầu tư, cơ sở.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01

năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.